TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2019/ HNGĐ-ST.
Ngày: 11/6/2019.
"V/v: Ly hôn giữa chị M và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

-T ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê là T ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 11/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2019 về tranh chấp: ***"Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1994;
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa .

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Lê Văn T qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn *(ĐKKH)* tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/4/2013.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn; bản thân anh T không lo làm ăn mà Tòng xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập, chửi bới vợ con nên cuộc sống hôn nhân căng thẳng và không hạnh phúc, mạnh ai người đấy sống. Chị M cũng một lần nộp đơn ra Tòa nhưng sau đó anh T hứa hẹn sẽ sửa đổi nên chị M đã rút đơn để cho anh T thêm một cơ hội sửa đổi, tuy nhiên anh vẫn chứng nào tật nấy, thậm

chí còn tệ hơn trước, vẫn uống rượu và đánh đập chị M dù gia đình cũng đã khuyên anh rất nhiều. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Về phía anh T, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa anh và chị M đã phát sinh một số mâu thuẫn như chị M đã trình bày. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống; anh cũng có uống rượu rồi về đánh đập vợ vì thế cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, Tòng xuyên xảy ra xô xát, cải vả.

2.Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung tên Lê Trần Anh T, sinh ngày 01/7/2013 và Lê Trần Anh K, sinh ngày 16/10/2015. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về phía anh T, nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh cũng đề nghị giao cháu K cho anh nuôi dưỡng và giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Lê Văn T *(bản sao)*, 02 Giấy CMND mang tên Lê Văn T và Trần Thị M *(đều bản sao)*, 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lê Văn T và Trần Thị M *(bản chính)*, 02 giấy khai sinh mang tên Lê Trần Anh T và Lê Trần Đăng K *(đều bản sao)*.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng M: Chị M và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có *ĐKKH* tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/4/2013; anh chị có 02 con chung là cháu Lê Trần Anh T, sinh ngày 01/7/2013 và cháu Lê Trần Anh K, sinh ngày 16/10/2015. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị M giao nộp là 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lê Văn T và Trần Thị M *(bản chính)*, 02 Giấy khai sinh mang tên Lê Trần Anh T và Lê Trần Đăng K *(đều bản sao)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về tố tụng dân sự:*** Chị Trần Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị M và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/4/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M trình bày là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn; bản thân anh T không lo làm ăn mà Tòng xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập, chửi bới vợ con nên cuộc sống hôn nhân căng thẳng và không hạnh phúc, mạnh ai người đấy sống. Chị M cũng một lần

nộp đơn ra Tòa nhưng sau đó anh T hứa hẹn sẽ sửa đổi nên chị M đã rút đơn để cho anh T thêm một cơ hội sữa đổi, tuy nhiên anh vẫn chứng nào tật nấy, thâm chí còn tệ hơn trước, vẫn uống rượu và đánh đập chị M dù gia đình cũng đã khuyên anh rất nhiều. Do thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về phía anh T, anh thừa nhận là giữa anh và chị M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, trong công việc làm ăn; anh cũng có sai lầm là uống rượu rồi về đánh đập vợ. Tuy nhiên, do anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng nên anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, tạo điều kiện cho chị M và anh T đoàn tụ gia đình nhưng anh T chỉ có mặt tại một phiên hòa giải, các phiên hòa giải khác anh luôn vắng mặt nên việc hòa giải không thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình (HN&GĐ) năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh T.

[3] ***Về con chung:*** Chị M và anh T có 02 con chung là cháu Lê Trần Anh T, sinh ngày 01/7/2013 và cháu Lê Trần Anh K, sinh ngày 16/10/2015. Sau khi ly hôn, hai đương sự đều đề nghị giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng và giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của các đương sự. Do chị M và anh T mỗi người nuôi dưỡng một cháu, không đề nghị cấp dưỡng nên không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

[4] ***Về tài sản chung và nợ chung****:* Do chị M và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] ***Về án phí LH-ST:*** Chị M phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

<u>Vì các lẽ trên,</u>

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ năm 2014;

- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M, xử cho chị M được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Anh T, sinh ngày 01/7/2013 cho chị M và giao cháu Lê Trần Anh K, sinh ngày 16/10/2015 cho anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí LH-ST: Chị M phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0006764 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, chị M đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai;
-VKS K;
-THA K;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai;
-VKS K;
-THA K;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương

CÁC HỘI THẨM ND **THẨM PHÁN-CTPT**

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
-VKS K;
-THA K;
-Các đương sự;
-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA